

Số: 75/2025/QĐST-DS

CL, ngày 08 tháng 04 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng K; Sinh năm 1978; địa chỉ: số nhà 116/1 ấp C xã PPh, huyện CL, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Trần Thị Bích T, sinh năm: 1971; địa chỉ ấp C, xã PPh, huyện CL, tỉnh BT.

Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1961 và ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: số nhà 482/3 ấp PĐB xã PPh, huyện CL, tỉnh BT. Bà T1 ủy quyền cho ông Q theo hợp đồng ủy quyền xác lập ngày 10/03/2025 hợp đồng được chứng thực tại UBND xã PPh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng NoPTNT chi nhánh huyện CL.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hoàng K với ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị T1 đồng ý Hủy hợp đồng thuê đất, giữa bên cho thuê ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị T1 và bên thuê là ông Nguyễn Hoàng K đối với phần đất có diện tích đất 2489m² thuộc thửa 131, tờ bản đồ số 12 loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp PĐB, xã PPh, huyện CL, tỉnh BT được Ủy ban nhân dân xã PPh chứng thực chữ ký các bên vào ngày 26/8/2024.

Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Nguyễn Hoàng K số tiền thuê đất là 260.000.000đồng, tiền chi phí cải tạo và trồng cây là 67.060.000đồng. Tổng cộng là 327.060.000đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Nguyễn Hoàng K đồng ý để lại cho ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T1 toàn bộ cây trồng trên thửa đất nêu trên mà ông K đã trồng cho ông Q và bà T1 canh tác sử dụng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 327.060.000đồng x 2,5% = 8.176.500đồng. Ông Q, bà T1 đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.176.500đồng nhưng ông Q, bà T1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại Điều 12 Nghị quyết 326.

Án phí không có giá ngạch là 150.000đồng, ông K tự nguyện chịu. Số tiền ông K nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0009007 và biên lai số 0009008, cùng ngày 19/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CL được khấu trừ sang tiền án phí. Hoàn trả cho ông K số tiền chênh lệch còn lại là 450.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA + VP.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ THÚY HẰNG

